

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ 3H KINH BẮC

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ CÔNG NGHỆ 3H KINH BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 3H KINH BAC TECHNOLOGY AND SERVICE TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CT CP 3H KINH BẮC

2. Mã số doanh nghiệp: 2300880849

3. Ngày thành lập: 11/02/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

(NR Trần Chung) Bình Than, Khu 3, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913.147.165

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
2.	Trồng cây hàng năm khác	0119
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
5.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
6.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
7.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
8.	Chăn nuôi lợn	0145
9.	Chăn nuôi gia cầm	0146
10.	Chăn nuôi khác (Chi tiết: Chăn nuôi gia súc khác)	0149
11.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
12.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
13.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
14.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
15.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
16.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
17.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
18.	Sản xuất giống thủy sản	0323
19.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
20.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

21.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Chi tiết: Bán buôn sắt, thép)	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Trang thiết bị giáo dục, dạy nghề; Trang thiết bị bảo hộ lao động)	4669
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
27.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
28.	Thu gom rác thải độc hại	3812
29.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
30.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
31.	Tái chế phế liệu	3830
32.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
33.	Xây dựng nhà các loại	4100
34.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
35.	Xây dựng công trình công ích	4220
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
37.	Phá dỡ	4311
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
42.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
45.	Bán mô tô, xe máy	4541
46.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
47.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
48.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
49.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

53.	Giáo dục nghề nghiệp (Chi tiết: Dạy nghề (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép))	8532(Chính)
54.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép))	8559
55.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm : Tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán , tư vấn thuế, chứng khoán và giáo dục)	7020
56.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Chuyển giao công nghệ)	7490
57.	Cho thuê xe có động cơ	7710
58.	Cung ứng lao động tạm thời (Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời trong nước)	7820
59.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước)	7830
60.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
61.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
62.	Ghi chú: (Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 26.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Vốn pháp định: 0 VNĐ

9. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN ĐỒNG	Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	670.000	6.700.000.000	25	125288119	
2	ĐẶNG THỊ THANH THỦY	Khu 2, Phường Đáp Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	804.000	8.040.000.000	30	125235985	
3	NGUYỄN THỊ THOAN	Khu I, Thị trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	670.000	6.700.000.000	25	125566320	
4	KIỀU XUÂN HÙNG	Thôn Yên Hậu, Xã Hòa Tiến, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	536.000	5.360.000.000	20	125416292	

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125288119

Ngày cấp: 02/01/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh